TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày 22-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Hùng

Bà Ngô Thị Thu Hà

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 110/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Như B, nơi cư trú: Thôn ĐC, xã LL, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đinh Khắc S và bà Nguyễn Thị L; đều trú tại: Thôn ĐC, xã LL, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn - ông Đinh Như B*: Bà Trương Thị H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – ông Đinh Như B trình bày:

Ngày 06/9/2020 (âm lịch), ông có cho vợ chồng ông Đinh Khắc S và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 30.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999 (tính ra tiền là 11.000.000 đồng – tại thời điểm cho vay), với lãi suất 20%/1 tháng, tức vợ chồng ông S, bà L phải trả một tháng cho ông tiền lãi là 820.000 đồng. Hàng tháng vợ chồng ông S, bà L phải trả nợ lãi cho ông, còn nợ gốc thì vợ chồng ông S, bà L trả cho ông vào ngày 06/9/2021 (âm lịch). Vợ chồng ông S, bà L mới trả được cho ông số tiền lãi là 5.000.000 đồng, cụ thể: Tháng 10 năm 2020 (âm lịch): 1.000.000 đồng, tháng 11 năm 2020 (âm lịch): 1.000.000 đồng, tháng 12 năm 2020 (âm lịch): 1.000.000 đồng, tháng 01 năm 2021 (âm lịch): 1.000.000 đồng, tháng 02 năm 2021 (âm lịch): 1.000.000 đồng. Việc vay tiền có lập thành một giấy biên nhận cho vay tiền có chữ ký của ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L và ông. Mục đích vay tiền để ông S, bà L mua xe máy.

Ngày 06/9/2021 (âm lịch), vợ chồng ông S, bà L trả tiếp tiền lãi cho ông được 1.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền lãi vợ chồng ông S, bà L đã trả cho ông số tiền là 6.000.000 đồng.

Do vợ chồng ông S, bà L không trả tiền lãi và gốc cho ông nên ngày 06/9/2022 (âm lịch) ông và vợ chồng ông S, bà L có lập biên bản xác nhận có chữ ký của ông S, bà L và ông, như sau:

- Số tiền gốc là 30.000.000 đồng, 2 chỉ vàng 9999 (quy đổi thành 11.000.000 đồng) và tiền lãi không trả cho đến ngày 06/9/2021 (âm lịch) là 6.000.000 đồng. Tổng cộng là 47.000.000 đồng. Tổng số tiền này chuyển thành tiền số tiền nợ gốc.

Như vậy, theo thỏa thuận của giữa ông và vợ chồng ông S, bà L thì 02 chỉ vàng 9999 đã quy đổi thành tiền.

- Tính từ ngày 06/9/2021 (âm lịch) cho đến ngày 06/9/2022 (âm lịch): Tiền gốc là 47.000.000 đồng (bao gồm cả tiền mặt và 02 chỉ vàng 9999), tiền lãi thỏa thuận là 25%/1 tháng (tức 1 tháng vợ chồng ông S, bà L phải trả cho ông là hơn 1.200.000 đồng, nhưng ông tính 1 năm là 14.700.000 đồng).

Như vậy, tính đến ngày 06/9/2022 (âm lịch) vợ chồng ông S, bà L phải trả cho ông là: 47.000.000 đồng (gốc) + 14.700.000 đồng (lãi) = 61.700.000 đồng.

Tính từ ngày 06/9/2022 (âm lịch) đến thời điểm Tòa án xét xử phải trả tiền lãi của một tháng là 61.700.000 đồng (bao gồm cả tiền mặt và 02 chỉ vàng 9999 đã quy đổi thành tiền) x 25%/1 tháng = 1.542.500 đồng.

Nay, ông yêu cầu ông S, bà L phải trả ông số tiền 61.700.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06/9/2022 (âm lịch) cho đến ngày Tòa án xét xử như ông đã tính như trên (1.542.500 đồng/1 tháng) bằng 8.247.000 đồng (tiền lãi).

Tổng số tiền ông B yêu cầu ông S, bà L phải trả là: 69.947.000 đồng.

Khoản tiền vay trên không liên quan đến vợ ông là bà Nguyễn Thị V. Vợ ông đi làm cho công ty, thường xuyên vắng mặt nhưng ông không biết tên, địa chỉ công ty nơi vợ ông làm việc.

Đối với bị đơn – ông Đinh Khắc S và bà Nguyễn Thị L:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2022, ông Đinh Khắc S trình bày:

Ông S thừa nhận vợ chồng ông có vay của ông Đinh Như B số tiền 30.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999, quy đổi thành tiền tại thời điểm vay là 11.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 9 năm 2020 âm lịch. Việc vay có lập bằng văn bản, lãi suất thỏa thuận 20%/1 tháng (tức vợ chồng ông phải trả cho ông B số tiền lãi 820.000 đồng/1 tháng). Vợ chồng ông phải trả cho hết số tiền gốc và lãi vào ngày 06/9/2021 (âm lịch). Vợ chồng ông đã trả nợ được cho ông B số tiền lãi là 11.000.000 đồng. Khi trả nợ, ông có ký vào sổ của ông B, ông B đang lưu giữ quyển sổ này. Ngày 06/9/2022 (âm lịch), vợ chồng ông và ông B có lập biên bản xác nhận có chữ ký của vợ chồng ông và ông B nội dung như sau:

Số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, 02 chỉ vàng và tiền lãi không trả đến ngày 06/9/2021 (âm lịch) chuyển toàn bộ thành tiền gốc là 47.000.000 đồng, lãi suất 25%/1 tháng (tức là vợ chồng ông phải trả cho ông B hơn 1.200.000 đồng/1 tháng, tính ra 1 năm vợ chồng ông phải trả cho ông B là 14.700.000 đồng tiền lãi). Tính đến ngày 06/9/2022 (âm lịch), vợ chồng ông phải trả cho ông B theo như giấy biên bản xác nhận ông B yêu cầu 47.000.000 đồng (gốc) và 14.700.000 đồng (lãi), tổng cộng 61.700.000 đồng.

Nay ông không đồng ý với nội dung khởi kiện của ông B. Vợ chồng ông chỉ đồng ý trả nợ gốc là 30.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999. Tiền lãi ông chỉ đồng ý trả theo đúng quy định của pháp luật.

Việc vay nợ, vợ chồng ông chỉ vay của ông Đinh Như B, không liên quan gì đến bà Nguyễn Thị V (vợ ông B).

Tại đơn đề ngày 06/01/2023 của bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay của ông Đinh Như B số tiền 30.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999 (đã quy đổi ra tiền là 11.000.000 đồng) như trên ông B và ông S trình bày là đúng. Vợ chồng bà đã trả được tiền lãi cho ông B 1 năm. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng bà chưa có điều kiện trả tiếp lãi nên vợ chồng ông bà có đồng ý ký vào giấy xác nhận nợ của ông B số tiền gốc và lãi cộng là 62.000.000 đồng. Do vợ chồng bà không có xe máy nên không thể đến Tòa án, vợ chồng bà đề nghị Tòa án hòa giải, cam kết ra ngoài giêng sẽ trả ông B tháng mấy triệu.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn – ông Đinh Như B xác định: Khoản tiền lãi mà ông B yêu cầu ông S, bà L trả từ ngày 06/9/2020 (âm lịch) đến ngày 06/9/2021 (âm

lịch) mỗi tháng là 1.000.000 đồng; từ ngày 06/9/2021 (âm lịch) đến ngày 06/9/2022 (âm lịch) tiền lãi mỗi tháng hơn 1.200.000 đồng, một năm là 14.700.000 đồng; từ ngày 06/9/2022 (âm lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm tiễn lãi mỗi tháng là 1.542.500 đồng. Ông B có gia hạn thời hạn trả nợ cho ông S, bà L đến ngày 06/9/2022 (âm lịch).

Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Như B với lý do: Ông Đinh Như B và ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L có ký kết hợp đồng vay nợ thể hiện bằng giấy xác nhận nợ. Ông B đã chuyển giao khoản tiền vay cho ông S, bà L như đã thỏa thuận: 30.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999 (quy đổi tại thời điểm cho vay thành 11.000.000 đồng). Sau đó, ngày 06/9/2022 (âm lịch), ông B và ông S, bà L đã có một biên bản xác nhận lại khoản nợ gốc là 47.000.000 đồng gồm 41.000.000 đồng tiền cho vay và 6.000.000 đồng tiền lãi, chuyển thành tiền gốc. Lãi suất như ông B trình bày là do hai bên tự nguyện thỏa thuận và có giấy xác nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Như B.

Phát biểu của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử , Thư ký phiên tòa:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Hợp đồng vay tài sản ngày 06 tháng 9 năm 2020 (âm lịch), tức ngày 22 tháng 10 năm 2020 (dương lịch) với kỳ hạn là 01 năm được ký kết giữa ông Đinh Như B và ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, hình thức và một phần nội dung tuân thủ đúng quy định và đều được hai bên xác nhận là đúng nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, phần lãi suất các bên thỏa thuận là 20%/tháng (tương đương 240%/năm) là vi phạm quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên thuộc trường hợp vô hiệu một phần theo quy định tại Điều 123, 130 Bộ luật Dân sự.

Ngày 22/10/2020, ông Đinh Như B đã chuyển giao cho ông Đinh Khắc S và bà Nguyễn Thị L số tiền vay 30.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999.

Tại thời điểm ông B cho ông S, bà L vay 2 chỉ vàng 9999, quy đổi ra thành số tiền 11.000.000 đồng. Mặt khác, hiện nay ông Đinh Như B yêu cầu ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L trả bằng tiền mà không yêu cầu trả bằng hiện vật (vàng 9999). Xác định khoản tiền gốc mà bị đơn ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L vay của ông Đinh Như B là 41.000.000 đồng (gồm 30.0000 đồng và 02 chỉ vàng quy đổi là 11.000.000 đồng), khoản tiền lãi mà ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L trả được cho ông Đinh Như B là 6.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định, số tiền lãi mà ông Đinh Như B yêu cầu ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L phải trả vượt quá so với quy định của pháp luật. Do đó, số tiền lãi mà ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L phải trả nợ cho ông Đinh Như B được tính như sau:

+ Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả (từ ngày 22/10/2020 đến ngày 01/10/2022): 41.000.000 x số ngày x 1,67%/30.

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn (từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 cho đến thời điểm xét xử ngày 22/02/2023): 41.000.000 x số ngày x 2,5%/30.

+ Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả tính đến ngày xét xử 22/02/2023: Số tiền lãi quá hạn chưa trả x số ngày quá hạn x 0,83%/30 (số tiền 6.000.000 đồng tiền lãi đã trả là đã thực hiện được 8,8 tháng tức 263 ngày).

Bị đơn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của pháp luật cho đến khi thi thành xong.

Do đó, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Như B được chấp nhận một phần nên phần được chấp nhận ông Đinh Khắc S và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền buộc phải trả. Ông Đinh Như B trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông Đinh Như B được miễn án phí đối với phần yêu cầu của ông B không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, các đương sự đều đang sinh sống tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xác định người tham gia tố tụng: Theo lời khai của nguyên đơn – ông Đinh Như B thể hiện: Vợ ông là bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956, địa chỉ: Thôn ĐC, xã LL, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng không liên quan đến số tiền mà ông cho ông Đinh Khắc S và bà Nguyễn Thị L vay, đây là tài sản riêng của ông B. Tòa án đã có Thông báo yêu cầu bà Nguyễn Thị V cung cấp quan điểm và tài liệu chứng cứ (nếu có) cho Tòa án về ý kiến của ông Đinh Như B như trên. Tại phiên tòa, ông Đinh Như B cung cấp lời khai của bà Nguyễn Thị V bằng văn bản có xác nhận của UBND xã LL, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng thể hiện: Bà V xác định khoản tiền ông Đinh Như B cho ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L vay không liên quan đến bà, đây là tài sản riêng của ông Đinh Như B, bà từ chối tham gia vụ án. Căn cứ Điều 68 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị V không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn – ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn – ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản: Hợp đồng vay tài sản giữa các bên được ký kết ngày 06 tháng 9 năm 2020 (âm lịch), tức ngày 22 tháng 10 năm 2020 (dương lịch), với thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 22/10/2020. Sau đó, đến ngày 06/9/2022 (âm lịch) tức ngày 01 tháng 10 năm 2022 (dương lịch) ông Đinh Như B và ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L có lập giấy biên nhận xác nhận khoản nợ gốc và lãi đối với khoản vay nêu trên. Đến thời hạn, ông Đinh Khắc S và bà Nguyễn Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, ông Đinh Như B khởi kiện trong thời hạn luật cho phép nên Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của ông Đinh Như B là đúng quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Đinh Như B:

[5] Đánh giá về việc ký kết, thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa ông Đinh Như B với ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L: Ngày 22/10/2020 (tức ngày 06/9/2020 âm lịch), ông Đinh Như B có cho ông Đinh Khắc S và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 30.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999. Việc vay tiền là do sự tự nguyện của hai bên, được lập thành biên bản và có chữ ký xác nhận của hai bên. Ông Đinh Như B đã chuyển giao số tài sản vay như ký kết cho ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L. Để xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Như B, Hội đồng xét xử cần xác định khoản nợ gốc, xác định khoản nợ lãi và thời điểm ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L vi phạm hợp đồng.

[6] Xác định số nợ gốc: Theo các bên trình bày thì ông Đinh Như B, ông Đinh Khắc S và bà Nguyễn Thị L đều thống nhất tại thời điểm ông B cho ông S, bà L vay 2 chỉ vàng 9999, quy đổi ra thành số tiền 11.000.000 đồng. Mặt khác, hiện nay ông Đinh Như B yêu cầu ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L trả bằng tiền mà không yêu cầu trả bằng hiện vật (vàng 9999). Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định: "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định". Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Ngày 06/9/2022 (âm lịch) tức ngày 01 tháng 10 năm 2022 (dương lịch), các bên có lập biên bản xác nhận khoản nợ gốc và lãi đối với khoản tiền vay, có nội dung: "Tiền = 30.000 đ + 11.00000đ = 2 .CV.4 con 9; tiền 47 triệu tiền bốc của tôi năm 2020 là thành tổng số tiền 47 triệu đồng chẵn...". Các bên thỏa thuận chuyển 6.000.000 đồng tiền lãi thành tiền gốc nhưng do bị đơn ông Đinh Khắc S đề nghị Tòa án tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật nên khoản tiền lãi mà các bên thỏa thuận nếu vượt quá theo quy định của pháp luật sẽ không được chuyển thành tiền gốc (sẽ được đánh giá tại phần sau về việc xác định khoản nợ lãi). Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Đinh Như B đề nghị Tòa án xác định khoản tiền gốc ông cho ông S, bà L vay tính từ ngày 06/9/2022 (âm lịch) là 61.700.000 đồng. Tuy nhiên, đây chỉ là lời khai của ông Đinh Như B không có tài liệu, chứng cứ nào xác định đó là khoản tiền gốc ông B cho ông S, bà L vay. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử xác định khoản tiền gốc mà bị đơn ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L vay của ông Đinh Như B là 41.000.000 đồng. Đối chiếu với những quy định nêu trên, tổng số tiền nợ gốc mà ông Đinh Như B cho ông Đinh Khắc S, bà Đinh Thị Loan vay là 41.000.000 đồng (30.000.000 đồng tiền và 02 chỉ vàng 9999 quy đổi thành 11.000.000 đồng).

[7] Xác định thời điểm vi phạm hợp đồng và khoản nợ lãi:

[7.1] Theo hợp đồng vay tài sản ký kết giữa các bên thể hiện: Ông Đinh Như B cho ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L vay với lãi suất 20%/1 tháng tính từ ngày 06/9/2020 (âm lịch) tức ngày 22/10/2020 (dương lịch) đến ngày 06/9/2021 (âm lịch), tức ngày 11/10/2021 (dương lịch). Tại phiên tòa, ông Đinh Như B xác định khoản lãi ông yêu cầu ông S, bà L từ ngày 06/9/2020 (âm lịch) đến ngày 06/9/2021 (âm lịch) là 1.000.000 đồng. Trên thực tế, ông S, bà L trả lãi cho ông B là 1.000.000 đồng/1 tháng.

[7.2] Tại giấy biên nhận vay tiền ngày 06/9/2022 (âm lịch) ghi lãi suất tính từ ngày 06/9/2021 là 2,5% (1 tháng trả 1,200 đồng Việt Nam tiền lãi), nhưng theo ông Đinh Như B và ông Đinh Khắc S trình bày: Lãi suất ông B cho ông S, bà L vay là 25%/1 tháng tính từ ngày 06/9/2021 (âm lịch) cho đến khi trả được hết nợ.

Tại phiên tòa ông B xác định yêu cầu ông S, bà L trả lãi trong giai đoạn này là hơn 1.200.000 đồng/1 tháng, 1 năm là 14.700.000 đồng.

[7.3] Tính từ ngày 06/9/2022 (âm lịch) đến thời điểm Tòa án xét xử, ông Đinh Như B yêu cầu ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L phải trả tiền lãi của một tháng là 25% của số tiền 61.700.000 đồng. Tại phiên tòa ông B xác định: Số tiền lãi ông S, bà L phải cho ông trong giai đoạn này là 1.542.500 đồng/1 tháng.

[7.4] Tuy nhiên, ông Đinh Khắc S không đồng ý, chỉ đồng ý trả khoản lãi theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị L không có quan điểm gì về vấn đề này.

[7.5] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự lãi suất bị đơn phải trả cho nguyên đơn không được vượt quá 20%/năm của khoản vay, tức là không vượt quá 1,67%/1 tháng (20%:12 tháng). Theo Hợp đồng vay tài sản giữa các bên được ký kết ngày 06 tháng 9 năm 2020 (âm lịch), tức ngày 22 tháng 10 năm 2020 (dương lịch), với thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 22/10/2020. Sau đó, ngày 06/9/2022 (âm lịch) tức ngày 01 tháng 10 năm 2022 (dương lịch), các bên có lập biên bản xác nhận khoản nợ gốc và lãi đối với khoản tiền vay, có nội dung: "Mặc dù hàng tháng tôi có đến nhà chồng vợ Sỹ Loan nhắc nhở trả lãi hàng tháng và hết 12 tháng vay tiền phải trả cả gốc và lãi trong 1 năm từ ngày 06/9 âm lịch 2021 đến ngày 6/9/2022 hết thời gian đã quá hạn vay tiền". Tại phiên tòa, ông Đinh Như B xác định: Ông gia hạn thời gian trả nợ cho ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L đến ngày 06/9/2022 (âm lịch) tức ngày 01/10/2022. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa ông Đinh Như B và ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L là hợp đồng vay có thời hạn. Thời hạn ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L phải trả nợ là ngày 01/10/2022.

[7.6] Bị đơn ông Đinh Khắc S khai đã trả cho ông Đinh Như B khoảng 11 triệu đồng tiền lãi, bà Nguyễn Thị L khai đã vợ chồng bà đã trả cho ông Đinh Như B 01 năm tiền lãi. Tuy nhiên, ông Đinh Như B chỉ xác định vợ chồng ông S, bà L mới trả 6.000.000 đồng tiền lãi (tính từ thời điểm vay đến tháng 2 năm 2021 âm lịch). Ông S, bà L không có tài liệu, chứng cứ xác định đã trả khoản lãi như đã trình bày. Do đó, chỉ chấp nhận khoản lãi ông S, bà L đã trả cho ông B là: 6.000.000 đồng.

[7.7] Căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định, số tiền lãi mà ông Đinh Như B yêu cầu ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L phải trả vượt quá so với quy định của pháp luật. Do đó, số tiền lãi mà ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L phải trả nợ cho ông Đinh Như B được tính như sau:

[7.8] Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả (từ ngày 22/10/2020 đến ngày 01/10/2022): 41.000.000 đ x 23 tháng 09 ngày x 1,67%/1 tháng = 15.953.510 đồng.

[7.9] Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: Ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L đã trả được cho ông Đinh Như B 6.000.000 đồng tiền lãi, như vậy ông S, bà L đã trả được cho ông B khoản tiền lãi theo quy định pháp luật tương ứng 8,8 tháng. Thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc còn lại là: 14,5 tháng. Do đó, tiền lãi trên nợ lãi chưa trả là: (41.000.000 đ x 14,5 tháng x 1,67%/tháng) x 0,83%/1 tháng x 14,5 tháng = 1.194.853 đồng.

[7.10] Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 cho đến thời điểm xét xử ngày 22/02/2023): 41.000.000 đồng x 2,05%/1 tháng x 04 tháng 21 ngày = 3.950.350 đồng.

[7.11] Tổng khoản nợ lãi, bị đơn ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là: 21.098.713 đồng.

[8] Như vậy, hợp đồng vay tài sản 06 tháng 9 năm 2020 (âm lịch), tức ngày 22 tháng 10 năm 2020 (dương lịch) được ký kết giữa ông Đinh Như B và ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L hình thức và một phần nội dung tuân thủ đúng quy định (Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự) và đều được hai bên xác nhận là đúng nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, phần lãi suất các bên thỏa thuận là vi phạm quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên thuộc trường hợp vô hiệu một phần theo quy định tại Điều 123, 130 Bộ luật Dân sự. Do đó, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Như B, buộc ông Đinh Khắc S và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Đinh Như B số tiền như sau: 41.000.000 đồng (tiền gốc) + tiền lãi (21.098.713 đồng - 6.000.000 đồng) = 56.098.713 đồng.

[9] Không chấp nhận việc ông Đinh Như B yêu cầu vợ chồng ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền: 13.848.287 đồng.

[10] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Như B được chấp nhận một phần nên phần được chấp nhận ông Đinh Khắc S và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 56.098.713 đồng x 5% = 2.804.936 đồng. Ông Đinh Như B trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông Đinh Như B được miễn án phí đối với phần yêu cầu của ông B không được chấp nhận (13.848.287 đồng).

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 116, Điều 123, Điều 130, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 14 và Điều 25 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Đinh Như B:

1. Buộc ông Đinh Khắc S và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Đinh Như B số tiền nợ gốc là 41.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 15.098.713 đồng, tổng cộng là 56.098.713 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/1 năm.

2. Về án phí: Ông Đinh Khắc S và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.804.936 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

- Ông Đinh Như B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Đinh Khắc S, bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đào Tuấn Điệp - Đỗ Thị Thanh Tú	**Nguyễn Thị Thu Thuỷ**